

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 3 - 2025

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đạt Thông

Ông Nguyễn Trần Đông

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Trần Mai Tâm, Thư ký- Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Không có

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kim Thị N, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Kim Sóc K, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện H, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kim Thị N trình bày: Vào năm 2016, nhờ vào mai mối của người thân nên chị với anh Kim Sóc K tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã S, huyện C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67/2016, ngày 15/11/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên cha mẹ ruột và do cuộc sống nên vợ chồng lên Bình Dương tìm việc làm. Do vợ chồng đến với nhau qua mai mối nên hạnh phúc không trọn vẹn, anh K là người chồng ích kỷ, nhỏ nhen đi làm có tiền không đưa cho

chị trang trải cuộc sống, đến khi chị mang thai anh cũng không quan tâm chăm sóc, mỗi khi thiếu hụt chị hỏi tới thì vợ chồng lại cãi nhau rồi anh dọn đồ đạc ra sống riêng bên ngoài, bỏ chị một mình trong lúc mang thai, chị phải nhờ vào mẹ ruột mọi thứ, mỗi lần cự cãi nhau là anh bỏ đi. Khi con bệnh và qua đời chị có gọi anh về lo hậu sự được khoảng 4 tháng thì anh bỏ đi luôn và vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, từ lúc ly thân hai bên không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Đến nay, nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên về hôn nhân chị yêu cầu được ly hôn anh Kim Sóc K; Về con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Kim Sóc K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị N, tuy nhiên anh có gửi đơn xin xét xử vắng mặt về nội dung đơn anh đồng ý ly hôn với chị Kim Thị N và thống nhất trong quá trình chung sống anh và chị N không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Kim Sóc K và anh, chị không có con chung, tài sản và nợ chung nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Kim Sóc K có nơi cư trú trên địa bàn huyện H, căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay chị Kim Thị N và anh Kim Sóc K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh K.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị N và anh Kim Sóc K tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 15/11/2016 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Theo chị N trình bày sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống chung bên cha mẹ ruột, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau và do anh K sống ít kỷ, không quan tâm chăm sóc gia đình từ đó vợ chồng thường hay cãi nhau, mâu thuẫn càng trầm trọng, nên anh K bỏ đi từ năm 2020 đến nay, nay chị không còn tình cảm với anh K nên đã làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh K. Hội đồng xét xử, xét thấy trong thời gian thụ lý giải quyết vụ án, qua nhiều lần Tòa án mời chị N đến để tác động cho chị N suy nghĩ lại về mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh K nhưng chị vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị N và anh K khó có thể

hàn gắn lại được do anh K không có thiện chí để hòa giải, mặc dù anh K vẫn biết là chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn được Tòa án gửi giấy mời nhưng anh K vẫn không đến Tòa án để hòa giải, chứng tỏ anh K không muốn hàn gắn lại với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của chị N và đơn xin xét xử vắng mặt của anh K có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh K không thể kéo dài do các bên không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N yêu cầu ly hôn với anh K là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh K.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Kim Thị N và anh Kim Sóc K khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Kim Thị N và anh Kim Sóc K khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Kim Thị N và anh Kim Sóc K khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Kim Thị N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Kim Thị N được ly hôn với anh Kim Sóc K.

2. Về con chung: Chị Kim Thị N và anh Kim Sóc K khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Kim Thị N và anh Kim Sóc K khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Kim Thị N và anh Kim Sóc K khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, buộc chị Kim Thị N phải chịu, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014486, ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H thì chị N đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND thị trấn Định An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thanh